

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /2025/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán nhà nước độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021;

Xét Tờ trình số 1830/TTr-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể như sau:

a) Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng (gồm chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng; chế độ hỗ trợ mai táng phí) theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) Đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2024 và Công văn số 375/HĐND-VP ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đình chính Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (gồm chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng; chế độ hỗ trợ mai táng phí).

c) Đối tượng đang hưởng chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng chính sách người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ

1. Bằng 1,6% trên tổng số tiền chi trả bằng tiền mặt cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

2. Đối với các địa phương chi trả các chính sách qua tài khoản ngân hàng (*thuê tổ chức dịch vụ chi trả*), mức phí chi trả tối đa không vượt quá 10% mức chi trả bằng tiền mặt quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí ngân sách tỉnh chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ khoảng 10,3 tỷ đồng/năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ ba mươi thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ủy ban CTĐB;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ TU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (02).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng